

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vương Tuyền.

2. Ông Nguyễn Huy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Số 60, đường Đ phường C, Thành phố N, tỉnh Nam Định; tạm trú: Số 20, quận T, Thành phố Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T – Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Ngọc T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V sinh năm 1989; trú tại: Tổ 17, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Văn V kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới thời gian đầu

vợ chồng chung sống ngoài Bắc, một thời gian ở Nam Định, một thời gian thì ở Hà Nội, đến tháng 6/2018 thì chuyển đến sinh sống tại tổ 17, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, đến đầu tháng 7/2020 thì chuyển đến sinh sống tại Trung tâm T. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông V bạo hành bà cả về thể chất lẫn tinh thần, thường xuyên chửi bới bà và thỉnh thoảng có đánh bà, khi ông V nóng tính lên mất kiểm soát thì đe dọa bà, khiến bà bị ám ảnh, hoảng loạn, hoang mang và sợ hãi. Bà có góp ý kiến nhưng ông V vẫn không thay đổi. Ông V còn sử dụng ma túy đá. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu xin ly hôn với ông V.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T sinh ngày 29/7/2018. Hiện nay con đang ở với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà với ông V không có nợ chung.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn V:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà Nguyễn Thị Thanh H kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2016. Có thời gian tìm hiểu nhau một năm. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống ngoài Bắc, một thời gian sống ở Nam Định, một thời gian sống ở Hà Nội, sau đó chuyển đến sinh sống tại tổ 17, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Ông cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bà H nghe lời người khác xúi giục bỏ nhà đi, xúi giục ly hôn, bên cạnh đó khi chung sống với gia đình bà H chưa làm tròn trách nhiệm của người vợ, của người con dâu. Nguyên nhân mâu thuẫn như bà H trình bày là hoàn toàn không đúng. Nay, bà H yêu cầu xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Ông yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về chung sống.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T sinh ngày 29/7/2018. Hiện nay con đang ở với bà H. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông với bà H không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà H có đơn xin vắng mặt, còn ông V không đồng ý tiến hành phiên họp vắng mặt bà H. Do đó, Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tuy nhiên Tòa án đã thông báo cho các

đương sự về các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn giao nộp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được theo quy định.

Do nguyên đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông V đồng ý ly hôn và đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà H: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H ly hôn với ông V, giao con chung cho bà H nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên, bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, xử cho bà H với ông V ly hôn; giao con chung cho bà H nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên; Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Nợ chung không có; tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H với bị đơn ông Nguyễn Văn V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 26/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. Việc bà H có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H với ông V có thời gian tìm hiểu nhau một năm, đến đầu năm 2015 thì bà H với ông V chung sống với nhau và sau đó tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, đến tháng 7/2018 hai bên tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống ngoài Bắc, một thời gian sống ở Nam Định, một thời

gian sống ở Hà Nội, sau đó chuyển về nhà ông V sinh sống tại tổ 17, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu tháng 7/2020 thì bà H chuyển ra sinh sống ở Hà Nội và đăng ký tạm trú tại Trung tâm T (địa chỉ số 20, quận T, Thành phố Hà Nội), sống ly thân với ông V đến nay. Theo bà H quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông V bạo hành bà cả về thể chất lẫn tinh thần, thường xuyên chửi bới bà và thỉnh thoảng có đánh bà, khi ông V nóng tính lên mất kiểm soát thì đe dọa bà, khiến bà bị ám ảnh, hoảng loạn, hoang mang và sợ hãi. Bà có góp ý kiến nhưng ông V vẫn không thay đổi. Ông V còn sử dụng ma túy đá. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu xin ly hôn với ông V. Còn theo ông V thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà H nghe lời người khác xúi giục bỏ nhà đi, xúi giục ly hôn, bên cạnh đó khi chung sống với gia đình bà H chưa làm tròn trách nhiệm của người vợ, của người con dâu.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H với ông V đã trầm trọng thể hiện qua các tài liệu chứng cứ nguyên đơn bà H giao nộp cho Tòa án và Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an thị trấn L ngày 04/01/2021 thể hiện: Trong quá trình chung sống tại địa phương giữa bà H và ông V có xảy ra mâu thuẫn. Bà H nhiều lần bị ông V bạo lực về thể chất và tinh thần bằng cách chửi bới, lăng mạ, sỉ nhục và đánh đập. Sau khi sinh con bà H chuyển về ở cùng gia đình chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng lớn. Ông V còn sử dụng ma túy đá, hoang tưởng, ghen tuông và thường xuyên đe dọa giết chết cả nhà. Ông V có hành vi như cầm dao dọa chém, đâm, đập vào đầu bà H nên bà H thường xuyên lo sợ và đã đưa con trai là Nguyễn Thanh T xin ở tại ngôi nhà bình yên để tránh. Tại địa phương ông V là đối tượng sử dụng ma túy đá, và bị Công an thị trấn ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau gây mất trật tự theo Quyết định số 01/QĐXPVPHC ngày 23/12/2020 (chưa đóng phạt theo quy định).

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông V cũng luôn có hành vi chửi bới, đe dọa bà H, không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà H.

Tại phiên tòa, ông V đồng ý ly hôn với bà H, đồng thời qua các tài liệu chứng cứ như đã nêu trên cho thấy mâu thuẫn giữa bà H với ông V đã trầm trọng kéo dài, ông V có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng làm cho quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông V trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

- Về con chung: Bà H với ông V có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T sinh ngày 29/7/2018, hiện đang do bà H nuôi dưỡng. Bà H và ông V đều yêu cầu được quyền nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên.

Xét thấy, việc yêu cầu nuôi con chung là quyền của cha mẹ được pháp luật ghi nhận. Hiện nay cháu T còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và do bà H đang trực tiếp

nuôi dưỡng và theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, bà H có nghề nghiệp và thu nhập từ lương 7.000.000 đồng/tháng. Bà H có hộ khẩu thường trú tại số 60, đường Đ, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định có chỗ ở ổn định. Việc bà H đang tạm trú tại Trung tâm T là vì ông V luôn đe dọa bà H nên bà H không muốn làm ảnh hưởng đến gia đình và cần một chỗ ở an toàn nên bà H xin đăng ký tạm trú tại Trung tâm T.

Tại phiên tòa, ông V đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng. Hơn nữa, theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an thị trấn L ngày 04/01/2021 thể hiện ông Hải có sử dụng ma túy đá (Methamphetamine) theo Biên bản xét nghiệm chất ma túy ngày 18/7/2020 của Công an thị trấn L, tại bản tường trình cam kết ngày 18/7/2020 của ông V gửi Công an thị trấn L ông V cũng thừa nhận việc mình sử dụng ma túy. Ngoài ra, hiện ông V đang bị tạm giam trong một vụ án hình sự nên ông V không có đủ điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục tốt cho cháu T.

Từ phân tích trên, để đảm bảo cho cháu T có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để cháu phát triển về mọi mặt cần giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày cháu T thành niên là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H với ông V tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà H với ông V không có nợ chung.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí về việc yêu cầu ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh H, xử cho bà Nguyễn Thị Thanh H với ông Nguyễn Văn V ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh T sinh ngày 29/7/2018 cho bà Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình về việc khởi kiện ly hôn, bà Nguyễn Thị Thanh H đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0000559 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

Ông V có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND TT. L, huyện Đ (số 225);
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phụng Diễm